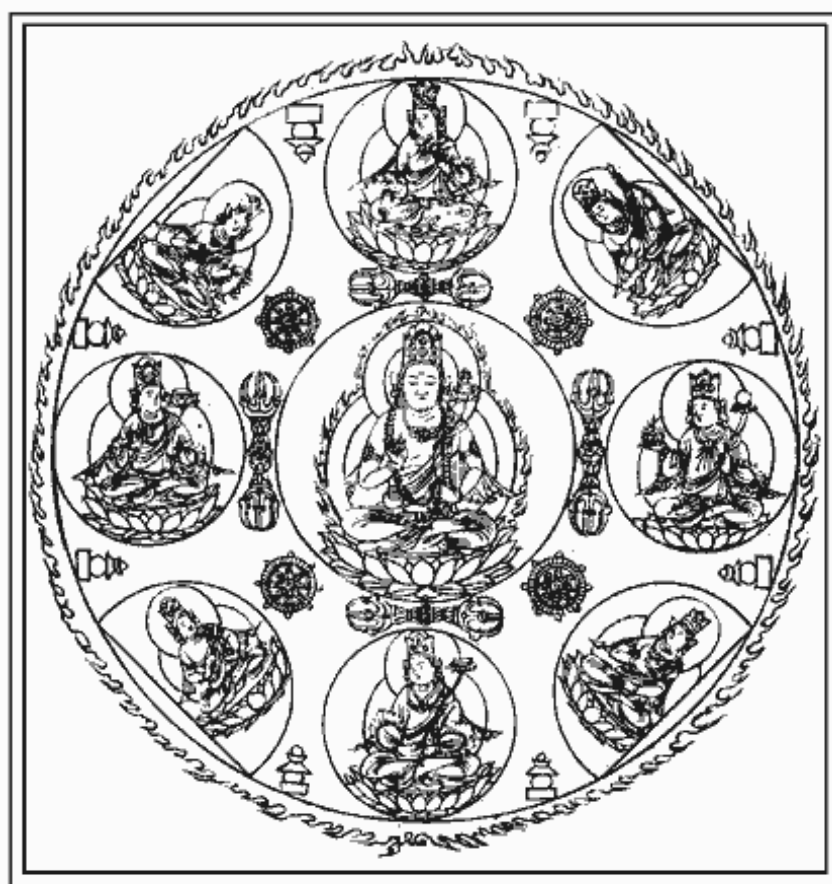


DI LẶC BỒ TÁT MAN ĐA LA

Biên soạn: HUYỀN THANH



Bồ Tát **Di Lạc** tên Phạn là **Maitreya**, dịch âm Hán Việt là Di Đê Lê, Mai Đê Lê, Mê Đê Lê, Mai Đát Lê, Mỗi Đát Lý, Mai Đát Lê Dực, Muội Đát Lý Duệ... là họ của Bồ Tát, nghĩa là **Từ Thi**, còn tên của Ngài là **A Dật Đa** (Ajita) nghĩa là **Vô Năng Thắng**.

Bồ Tát Di Lạc có hiệu là **Từ Thi**, tên hiệu đó xác lập căn bản tối hậu là **Bản Nguyên Sở Hạnh** của Ngài. Ngay trên Duyên Khởi, đời đời kiếp kiếp Ngài đều tu tập **Tam Muội Từ Tâm** (Maitra-citta-samādhī), thực hiện **Từ Hạnh** (Maitra-caryā) để cứu độ chúng sinh. Đức đặc biệt của Di Lạc là sau khi bứt trừ sự thống khổ của các chúng sinh, liền tiến thêm một bước là ban cho chúng sinh niềm vui của Pháp (Pháp Lạc)

) Kinh **Nhứt Thiết Trí Quang Minh Tiên Nhân Từ Tâm Nhân Duyên Bất Thục Nhục** ghi rằng: “Bồ Tát Di Lạc phát tâm không ăn thịt, vì nhân duyên này mà có tên là **Từ Thi** (Maitreya)”.

) **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 1** ghi nhận là: “Từ Thi Bồ tát dùng **Tâm Từ** (Maitra-citta) trong bốn Tâm Vô Lượng của Phật làm đầu, Lòng Từ này từ trong Chủng Tính của Như Lai sinh ra, hay khiến cho tất cả Thế Gian chẳng bị đứt mầm giống Phật cho nên xưng là **Từ Thi**”.

) Kinh **Đại Thừa Tâm Địa Quán** ghi nhận rằng: “Bồ Tát Di Lạc là con của vị Pháp Vương, từ khi phát Tâm vì muốn kết duyên lành hóa độ hết thảy chúng sanh, nên không ăn thịt, vì nhân duyên đó mà có tên là **Từ Thi**”

_ Do Di Lạc là vị Bồ Tát vào thời đương lai sẽ sinh xuống cõi Diêm Phù Đề, nối tiếp sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Śākyamuni) để thành Phật, vì thế được xưng là **Nhất Sinh Bồ Xứ Bồ Tát** (Ekajāti-pratibaddha-bodhisatva), **Bị Xứ Tát Đỏa** hoặc **Di Lạc Như Lai** (Maitreya-tathāgata)

_ Hệ thống Mật Giáo ghi nhận tôn tượng của Bồ Tát Di Lạc ở vị trí Đông Bắc trong **Trung Đài Bát Diệp Viện** thuộc **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala)

_ Trong **Kim Cương Giới Man Đa La** (Vajra-dhātu-maṇḍala), Di Lạc Bồ Tát là một vị thuộc 16 Tôn đời Hiền Kiếp được an trí ở đầu phía Bắc bên phương Đông của nhóm Tam Muội Gia Hội.

Kim Cương Nhân Bồ Tát (Vajra-hetu-bodhisatva) trong Kim Cương Giới Man Đa La là Bản Thệ của Di Lạc Bồ Tát và **Đại Luân Kim Cương** (Mahā-cakra-vajra) trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La **Giáo Lệnh Luân Thân** của Di Lạc Bồ Tát

Mật Hiệu của Di Lạc Bồ Tát là **Tấn Tật Kim Cương**

_ Trong **Di Lạc Bồ Tát Man Đa La** bên trên thì Di Lạc Bồ Tát là Tôn ở chính giữa, chung quanh có tám vị Đại Bồ Tát y theo thứ tự khởi từ bên trên thuận theo bên phải là Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát, Kim Cương Ca Bồ Tát, Bảo Ba La Mật Bồ Tát, Kim Cương Vũ Bồ Tát, Pháp Ba La Mật Bồ Tát, Kim Cương Hy Hỷ Bồ Tát, Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát, Kim Cương Man Bồ Tát

_ **Di Lạc Bồ Tát Tâm Chú** là:

ॐ मित्रेयसूक्त

OM MAITREYA SVĀHĀ

_ **Từ Thị Bồ Tát Thệ Nguyện Đà La Ni**:

ॐ भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये

नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये
नमो भगवते शक्यमुनये तथगतये अर्हते सम्यक्सम्बुद्धये

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYA-MUṆĀYE TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: AJITE AJITAṀ JAYE, BHARA BHARA, MAITRA
AVALOKITE, KARA KARA, MAHĀ-SAMAYA SIDDHI, BHARA BHARA,
BODHI MĀNA VĪ NI, SMARA SMARA, ASMĀKAṀ SAMAYAṀ, BODHI
BODHI MAHĀ-BODHI SVĀHĀ

[**Namo bhagavate Śākyamuṇāye tathāgatāya arhate samyakṣambuddhāya:**
Quy y Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Tadyathā: Như vậy, liền tuyên nói Chú là

Ajite: Vô Năng Thắng

Ajitaṃ: Nhóm Vô Năng Năng

Jaye: Tôn Thắng

Bhara bhara: Đắc được, đạt được

Maitra avalokite: Tâm Từ quán chiếu khắp cả

Kara kara: Tác làm, gây tạo

Mahā-samaya siddhi: Thành tựu Đại Thệ Nguyện

Bhara bhara: Đắc được, đạt được

Bodhi māna vī ni: Dẫn đến ý chí Bồ Đề

Smara smara: Ghi nhớ, ghi nhớ

Asmākaṃ samayaṃ: Thệ Nguyện của chúng ta

Bodhi bodhi mahā-bodhi : Giác Tuệ, Giác Tuệ, Đại Giác Tuệ

Svāhā: Quyết định thành tựu]

20/03/2014